

## Các công trình văn học quốc ngữ miền Nam

### Huỳnh Ái Tông

Trước hết là Báo Chí, khởi đầu là tờ Gia Định Báo ra ngày 15-4-1865, kế đó là Phan Yên Báo ra năm 1868, Nông Cổ Mín Đàm 1901... Sau đó đến thời kỳ thơ như Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu do Trương Vĩnh Ký phiên âm ra quốc ngữ năm 1880, sau đó là dịch truyện Tàu vào khoảng năm 1904, còn quyển tiểu thuyết được viết đầu tiên in năm 1887, là quyển Thầy Lazaro Phiền của Nguyễn Trọng Quản, rồi quyển Hoàng Tố Oanh Hàm Oan của Trần Chánh Chiểu ra đời năm 1910, nó mới nhen nhúm gây thành phong trào viết tiểu thuyết sau này. Các giai đoạn ấy đã tạo thành trào lưu văn học quốc ngữ, nó có sắc thái và truyền thống đặc biệt mang cá tính của người miền Nam.

Chúng ta đi sâu vào chi tiết ở phần sau, tưởng cũng cần nhắc lại chữ quốc ngữ ở miền Bắc được chính thức sử dụng từ năm 1913, sau khi miền Nam đã chính thức sử dụng chữ quốc ngữ trên 20 năm và đã gần nửa thế kỷ truyền bá chữ quốc ngữ.

#### A. Gia Định Báo

Là tờ báo do nhà cầm quyền Pháp chủ trương. Số 1 ra ngày 15-4-1865, do Ernset Potteaux làm Chánh Tổng Tài. Chức vụ này có lẽ bao gồm Chủ Nhiệm, Chủ Bút và luôn cả Quản Lý (1).

Từ năm 1869-1872, Trương Vĩnh Ký được cử làm Chánh Tổng Tài.

Từ năm 1872, do J. Bonet làm Chánh Tổng Tài, có lẽ tờ báo đình bản vào năm 1909 (2)

Tờ báo này trước tiên mỗi tháng phát hành một số ra vào ngày 15 mỗi tháng, khoảng năm 1870 thì cứ mỗi tháng ra 3 số, về sau cứ mỗi tuần ra 1 số.

Mỗi số báo có 4 trang. Về nội dung, trước tiên chỉ có hai phần: Phần công vụ và phần tạp vụ.

- Phần công vụ: Dụ, nghị định, chỉ thị, thông tư, biên bản Hội Đồng Quản Hạt (3)...

- Phần Tạp vụ: Lời rao, tin tức, trả lời cho các đương đơn, án Hội Đồng xét lại ...

Đơn cử nghị định ngày 16-9-1869 của Thống Soái Nam Kỳ G. Ohier, đăng trên Gia Định Báo (4) :

*"...Kể từ ngày hôm nay, việc biên-tập tờ báo An-nam Gia Định Báo được giao cho ông Pétrus Trương-Vĩnh-Ký với tư cách Chánh-tổng-tài tờ báo này, ông sẽ lãnh một bổng-cấp hàng năm 3.000 phật-lãng (5).*

*Tờ báo tiếp-tục ra hàng tuần. Nó chia làm hai phần, phần công-vụ gồm các văn-thư, quyết-định của quan Thống Soái và của nhà cầm quyền, nguyên văn bằng tiếng Pháp do Nha Nội-trị cung cấp và ông Trương Vĩnh Ký dịch ra chữ An-nam; phần tạp-vụ gồm các bài có ích cho*

*sự học và vui thích với các bài sử-học, luân-lý, thời-sự để có thể đọc trong các trường bản xứ và làm cho dân chúng An-nam chú ý."*

Sau đây là phần công vụ, đăng ở số 3 năm thứ 10, phát hành ngày 1-2-1874, đăng nghị định thăng trật của hai công chức như sau :

*Trường Hậu-bổ Sài Gòn*

*Trần Nguyên Hanh làm thông ngôn hạng 3, lên hạng nhì, đồng niên ăn 1.400 quan tiền.*

*Trường Khải Tường*

*Trương Minh Ký, nguyên làm thầy dạy giúp hạng ba, lên hạng nhì, đồng niên ăn 1.400 quan tiền.*

Về phần tạp vụ, một bài thuộc vào loại phiếm luận ngày nay, đăng trong số 5, năm thứ 6, phát hành ngày 16-2-1870:

*Người bên Tàu thường gọi là người Trung-Quốc nghĩa là nước ở giữa vì thuở xưa bên ấy có 18 nước chư hầu; chỗ Kinh thành Hoàng-đế ở lại vô ở giữa các nước chư hầu nên gọi là Trung Quốc. Người bên Tàu thường kêu mình là Đường-nhơn hay Thanh-nhơn, nghĩa là người nhà Đường nhà Thanh. An-nam ta kêu là Tàu, người bên Tàu, là vì khách thường đi tàu qua đây, lại dùng tàu chở đồ hàng hóa qua đây buôn bán; nên kêu là Tàu, hàng Tàu, đồ Tàu v.v...*

*Người Bắc thì kêu là Ngô, nghĩa là nước Ngô, có kẻ lại cắc nghĩa rằng vì bởi nó hay xưng mình là Ngô nghĩa là tôi.*

*Kêu Các-chú là bởi người Minh-hương mà ra; mẹ An-nam cha Khách nên nhìn người Tàu là anh em, bằng không thì cũng là người đồng châu với cha mình, nên mới kêu là Các-chú nghĩa là anh em với cha mình. Sau lần lần người ta bắt chước mà kêu bậy theo làm vậy.*

*Còn kêu là Chệc là tại tiếng Triều Châu kêu tâng Chệc nghĩa là chú. Người bên Tàu hay giữ phép, cũng như An-nam ta, thấy người ta tuổi đáng cậu, cô, chú, bác thì kêu tâng là chú là cậu vân vân. Người An-nam ta nghe vậy vịn theo mà kêu các ảnh là Chệc ...*

Còn tin tức, như mẫu tin sau đây, đăng vào Gia Định Báo số 8 năm thứ 6, phát hành ngày 8-3-1870:

*... Có một người tên là Thiện, nhà ở gần chợ Hóc-môn. Tối 12 tháng giêng nầy người ấy xuống ghe mà ngủ, còn vợ con thì để ngủ ở nhà. Vừa dựng một hồi kể lửa phát lên, thím Thiện chạy ra la, làng xóm chạy đến, khuân đồ giùm dập phân nửa, rồi nhà cháy trụi đi, chú Thiện có tật điếc, vợ kêu, la làng tróc trôn lòi dít, làng xóm khuân đồ tử mở, lửa cháy đùng đùng, mà cho lọt vào tai va thì nhà cửa, tài vật đã ra tro rồi...*

Chánh Tổng Tài Trương Vĩnh Ký muốn có những tin tức mới lạ, cùng khuyến khích những thông tin viên tự nguyện, để góp cho Gia Định Báo được dồi dào tin tức khắp Nam kỳ lục tỉnh, ông đã có lời rao sau đây, đăng trong số 11 năm thứ 6, phát hành ngày 8-4-1870

*Lời cùng các thầy thông-ngôn, ký-lục, giáo tập vân vân dựng hay:*

*Nay việc làm Gia Định Báo tại Sài Gòn, ở một chỗ, nên không có lẽ mà biết các việc mới lạ các nơi trong 6 tỉnh mà làm cho thiên hạ coi; nên xin các thầy cứ mỗi tuần hay nửa tháng phải viết những chuyện mình biết tại chỗ, tại xứ mình ở, như:*

*Ăn cướp, ăn trộm.*

*Bệnh-hoạn, tai-nạn.*

*Sự rủi-ro, hùm tha, sấu bắt.*

*Cháy chợ, cháy nhà; mùa màng thế nào.*

*Tại sở nghề nào thanh hơn vân vân*

*Nói tắt một lời là những chuyện mới lạ, đem vô nhật-trình cho người ta biết, viết rồi thì phải đề mà gửi về cho Gia Định Báo Chánh tổng-tài ở Chợ-quán.*

Trong tờ báo, như đã nói có phần công vụ và tạp vụ, có những bài không ghi rõ xuất xứ. Trương Vĩnh Ký giải thích phần này:

*Những kẻ coi nhật-trình phải có ý cũng hiểu điều này là:*

*Thường những chuyện Tạp-vụ các nơi trong đất Nam-kỳ gửi về cho kẻ coi Gia-Định Báo, thì có kẻ coi lại, có trách thì sửa lại cho xuôi cho dễ nghe vì các thầy gửi cho nhật-trình thì cũng ưng chịu làm vậy; lại cũng để tên các thầy ấy ký lấy vì là của các thầy ấy viết và gửi. Còn như phần công-vụ, các bài nghị-luận quan lớn Nguyễn-Soái cùng những khúc chẳng có tên ai đứng là kẻ coi nhật-trình làm. Mà những khoản thẩm xét án các quan tham-biện hay là trả lời cho kẻ quí đơn, việc nọ việc kia thì của Hội-đồng quan Thống-soái Nam-kỳ luật-vụ làm ra sẵn rồi mà gửi đem vô Gia-Định Báo, có tên người đứng ký vô đó, thì hễ gửi thế nào thì in ra thế ấy mà thôi. Cho nên khi có điều gì không được cho rõ mấy thì xin kẻ coi nhật-trình chớ trách-cứ kẻ coi việc ấy ...*

Cũng có phần văn chương như bài sau đây, đăng trong số 39 năm thứ 19, ngày 13-10-1883:

*Nỗi Đất Với Nỗi Đồng*

*Nỗi đồng tính việc đi đàng,*

*Rủ ren nỗi đất cùng trang đàng thì.*

*Kiểu rằng: Chẳng tiện nỗi đi,*

*Ở an xó bếp, không ly góc lò.*

*Vì e sẩy bước rủ ro,*

*Rách lành chịu vậy, đói no vui vậy.*

*Rằng da dầy cứng hơn đây,*

*Phận kia dễ tính, thân này khó toan.*

*Đáp rằng: rủ gặp dọc đàng,*

*"" Vật chi cứng cát cảng ngang không vì.*

*Để ta qua bữa lo chi,*

*Bên thì vật ấy bên thì nhà người.*

*Tai nghe nói ngọt tin lời,*

*Chịu lòng bạn hữu bèn dời chân đi.*

*Bước khua lộp cộp dị kỳ !*

*Xa nhau e sợ, gần thì đụng nhau.*

*Hai nỗi đi chẳng đặng mau,*

*Chưa đầy trăm bước đụng nhau rã rời.*

*Hỡi ôi Nỗi đất rồi đời,*

*Khôn lời năn nỉ, khôn lời thở than.*

*Nơi nghèo khổ, chỗ giàu sang,*

*Ở đời giao kết kẻ ngang vai mình.*

*Diễn quốc âm Trương Minh Ký*

**B. Phan Yên Báo**

Nhiều nhà nghiên cứu đều cho rằng Phan Yên Báo được xuất bản năm 1868, do ông Diệp Văn Cương (6) chủ trương biên tập, về nội dung như Gia Định Báo lúc đầu, tờ báo này về sau bị đóng cửa, vì có những bài báo có tánh cách chánh trị, do vậy mà tờ Phan Yên Báo ngày nay không còn, cũng không rõ nó là nguyệt san hay tuần san.

Có người cho rằng Phan Yên hay Phiên An Trấn là tên cũ của đất Gia Định và Phan Yên Báo là tờ báo viết bằng chữ Hán do Nguyễn Trường Tộ làm chủ nhiệm.

Qua tiểu sử của Diệp Văn Cương, tờ Phan Yên Báo của ông không thể có vào những năm đầu Pháp mới đô hộ miền Nam, ít ra báo của ông cũng chỉ có từ 1880 hay trễ hơn, còn Phan Yên Báo của Nguyễn Trường Tộ nếu có, chắc không xuất bản ở miền Nam, vì nó là tờ báo chữ Hán.

### C. Nhật Trình Nam Kỳ

Là tuần báo, xuất bản số đầu vào năm 1883

### D. Thông Loại Khóa Trình

Nó giống như Gia Định Báo ở chỗ có hàng chữ Hán Thông Loại Khóa Trình ở trên, bên dưới là hàng chữ Miscellanées, số 1 và 2 không ghi tháng phát hành, số 3 có ghi Juillet 1888, như vậy số 1 có thể ra vào tháng 5 (Mai) năm 1888. Số cuối cùng là số 18 ra tháng 10-1888. Khổ 16cm x 24cm, từ số 1 đến số 3 mỗi số có 12 trang, từ số 4 trở đi, mỗi số có 16 trang.

Từ số đầu cho đến số 5, các bài đều không có ghi tên tác giả, nhưng theo bài Bảo (7), những bài ấy đều của Trương Vĩnh Ký viết, kể từ số 6 mới có thêm các bài văn vần, gọi là diễn Nôm của Trương Minh Ký làm để giải nghĩa các câu chữ Nho, có lẽ để cho người ta dễ học thuộc lòng, sau đó mới có bài của những người khác.

Về nội dung gồm có :

Dạy chữ Nhu (chữ Hán)

Dạy chữ Pháp (thời bấy giờ gọi là Phang sa hay Lang sa)

Giảng nghĩa về luân lý

Khảo cứu về thi ca, phong tục.

Nhơn vật (danh nhân)

Sau đây là các bài trích dẫn:

#### a ) Câu Chữ Nhu(8)

( x x x x x x x x x x x x x x ) (9)

*Thập phần tinh tinh sử ngũ phần, lưu thủ ngữ phần giữ nhi tôn*

( x x x x x x x x x x x x x x )

*Thập phần tinh tinh đồ sử tạn, hậu đại nhi tôn bất như nhân*

*Nghĩa đen:*

*Mười phần rành rành dùng lấy năm phần, Để lại lấy năm phần cho con cháu;*

*Mười phần rành rành đều mình dùng hết, Đời sau con cháu chẳng như người ta.*

*Nghĩa là:*

Như mình có đặng giàu sang rõ-ràng cả mười phần thì hãy hưởng lấy năm phần mà thôi, để dành lại năm phần sau con cháu hưởng với: vì nếu như mình được mười phần mình hưởng hết đi cả mười, thì đời sau con cháu mình còn gì mà hưởng, té ra sa sút chẳng bằng người ta.  
 Trương-Minh-Ký diễn ra ca Nôm rằng:  
 Mười phần rõ rõ lấy năm xài, Để lại năm phần trẻ gái trai,  
 Rõ rõ mười phần đều dùng hết, Đời sau con cháu dám bì ai.

### b) Một hai câu tiếng Phangsa(10)

( Monsieur,(Bongdur moxơ) = chào ông  
 Bonjour (Madame,( ----""----- madăm) = chào bà  
 (Mademoiselle,(--""--madomoaxel) = chào cô  
 Comment cela va-t-il? (Còmăng xa va ti) = mạnh-khỏe thế nào ?  
 Cela va bien (xa va biêng) = mạnh khỏe.  
 Où allez-vous ? (u alê vú) = anh đi đâu ?  
 Je vais me promener (dờ ve mơ promonê) = tôi đi dạo

### c) Tam Cang Là Những Cang Nào?(11)

là (x) (x) quân thân = vua tôi (=vua với tôi)  
 "" (x) (x) phụ tử = cha con (= cha với con)  
 "" (x) (x) phu phụ = vợ chồng (= vợ với chồng)  
 (x) (x) (x) (x) quân vi thân cang (vua là giềng tôi)  
 (x) (x) (x) (x) phụ vi tử cang (cha là giềng con)  
 (x) (x) (x) (x) phu vi thê cang (chồng là giềng vợ)  
 Chỉ vua với tôi ở cùng nhau phải cho có đạo, cha với con ở cùng nhau phải cho có tình,  
 chồng với vợ ở cùng nhau phải cho có nghĩa là thuận hòa với nhau.  
 Ấy là ba giềng cả.  
 Giềng là mối dây bìa giềng lưới, có nó mới thành tấm lưới, mới chắc cho lưới.

### Về Tam Cang(12)

Ở dưới đời, người ta không phép sinh ra mà ở một mình cho đặng. Có cha có mẹ, có anh em  
 chị em, bà con cô bác, có băng-hữu, thân-quyến. Có vợ có chồng sanh con để cháu ra nối  
 dòng; thành nên gia-thất; nhiều ra, ở lan ra có xóm có làng, có huyện, có phủ, có tỉnh, có xứ,  
 có nước, có ra như vậy thì phải có tôn-ti, đấng-cấp, nên phải có vua có chúa, có quan có  
 quyền mà cai-trị, gìn-giữ đùm-bọc lấy nhau cho yên nhà vững nước.  
 Vì vậy phải có đạo tam-cang ràng-rịt vấn-vít nhau; mà giữ phép ở với nhau cho trên thuận  
 dưới hòa, thì mới bảo hộ nhau được. Lớn theo phận lớn, nhỏ theo phận nhỏ các y kỳ phận thì  
 bằng-an.  
 Vua cũng có phép buộc phải ở với tôi dân làm sao; con dân cũng có luật buộc phải ở với vua  
 quan thế nào cho phải đạo. Cha mẹ có phận phải giữ với con-cái cách nào; con-cái có phép  
 dạy phải ở làm sao với cha mẹ cho trọn niềm; còn chồng với vợ cũng có ngãi phải giữ với  
 nhau cho trọn nhân trọn ngãi nữa.  
 Ấy là ba mối cả, là chánh giềng làm nên tấm lưới chắc chắn vững bền.

### d) Hát Nhà Trò(13)

Hát nhà trò là tục ngoài Bắc vô tới Nghệ-An, Hà-Tĩnh chí sông Gianh.  
 Tại kinh thành Huế cũng có mà là đào ngoài Bắc rước vô dùng tại triều.

Ngoài Bắc hể khi có đám-tiệc, hội-hữu, hôn-tế, kì-yên, chạp-miếu, thì thường có hát nhà trò. Tùy theo ý chủ muốn, có khi kêu một đào một kép, có khi hai, có khi năm bảy hay là nhiều hơn mặc ý mình. Trái chiếu dưới đất, đào ra ngồi hát đó, kép cầm đờn đáy gảy ngồi lại một bên. Thường đào là con-gái có xuân-sắc, chuyên tập nghề xướng-ca, ngâm-nga, múa hát, bắt-bộ v.v. tục kêu là cô-đào (đầu B). Tay cầm quạt tay cầm sanh nhịp, miệng hát nhiều cung bậc giọng thấp cao ngân-nga hay và êm tai lắm.

Hát thì hát những là Ca-trù, hoặc giặm Túy-kiều, câu hát rời, Tần cung-oán, Chinh-phụ-ngâm, thơ phú hoặc kể truyện. Có người đánh trống nhỏ cầm châu hoặc là chủ đám, hoặc là người chủ nhường mời. Hát cũng có khi đứng khi ngồi, khi múa tay, bắt bộ. Lại có khi bắt đào quình tương (14) rượu cho khách, là bắt tay bưng chén rượu, chơn bước khoan- thai, miệng hát câu chi cho hay đẹp tình ưa ý khuyên mời khách uống, đem lại dâng đưa vô tới miệng. Cung giọng nhà-trò thường là những cung giọng này

Mẫu dựng

Thiệt nhạc

Ngâm vọng

Tì bà

Tắc phán

Hát hơi

Gửi thư

Huình

Hãm

Cung bậc

Cửa quyền

Non mai

Nường hạnh

Chữ khi

Thơ

Thông

#### e) Ca kiêng giống độc(15)

Rượu để bình đồng ẩm thiết lâu,  
Gan bò một lá, với gan trâu.  
Giải (ba-ba) ba chơn, cá lân không vảy,  
Đê một sùng, tôm chẳng có râu.  
Chó bốn đê, lương vàng cát cỏ,  
Gà năm sắc, ngựa trắng đen đầu.  
Cua sinh một mắt, lệch sao điểm.  
Vật ấy đừng dùng kéo lệ âu.

#### g) Ba bậc bộ hành ở nhà quán (16)

Nhứt quân tử, ăn mút gừng, uống nước chè tàu, ngồi chiếu bông, nằm nhà trong, đánh cờ tiên.

Nhì quân tử, ăn thịt trâu, uống nước chè huế, ngồi chiếu kẻ, nằm nhà giữa, đánh cờ tướng  
Tam quân tử, ăn cơm ngouï, uống nước lạnh, ngồi chiếu manh, nằm nhà ngoài, đánh cờ chó.

#### h) Lý-Thường-Kiệt (x) (x) (x) (17)

Lý-thường-Kiệt người tỉnh Hà-Nội, huyện Vĩnh-Thuận làm quan tướng nhà Lý. Thuở ấy bên Tàu nhà Tống nghe lời Vương-an-Thạch mà khinh dị Annam, vua Lý-nhơn-Tông mới sai Lý-thường-Kiệt, với Tông đảng đem 10 vạn binh qua đánh Tống, lấy đất Châu Khâm, châu Liêm giết Thương-thủ-Tiết, lấy châu Ứng, giết châu Nham và hơn 10 vạn con người ta.

Sau Tống sai binh tướng qua đánh Annam, khi đóng binh tại bờ sông Như-nguyệt, thì Lý-thường-Kiệt biết bụng dân hay tin tướng thần thánh, thấy Quách-quì với Triệu-tiết đem binh Tàu hơn 87 vạn qua, nao sợ ngã lòng, thì dựng mưu mà làm cho vững lòng quân. Vậy mới cho

người ra sau bàn-thờ miếu ông Trương-tướng giả thần ứng phán, ngâm như lời sấm bốn câu như sau đây.

Nam quốc sơn-hà nam đế cư,

Tiết nhiên phân-định tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Binh lính nghe liền vãng bưng, bèn đánh quân nhà Tống phải thua. Ông Lý-thường-Kiệt là người nhiều mưu-lược, có tài tướng-soái, làm tới 3 đời vua, đánh Tống thua, dẹp an Chiêm-thành, huân-nghiệp công-trận lớn lắm. Được tặng là Việt quốc công.

Đời nhà Nguyễn, Minh Mạng năm thứ 4 cho tế theo trong miếu Lịch-đại đế vương.

Tóm lại, Thông Loại Khóa Trình được coi như nguyệt san văn học, nội dung gồm có những bài sao lục, một số bài khảo cứu và sáng tác; phần lớn dùng văn vần và không có hình ảnh trang trí.

## E. Nông Cổ Mìn Đàm

Là tuần báo phát hành vào ngày thứ Năm, có 8 trang, khổ 27cm x 20cm do Canavaggio sáng lập. Số 1 ra ngày 1-8-1901, những người cộng tác với Canavaggio làm chủ bút tờ báo này lần lượt gồm có: Dũ Thúc Lương Khắc Ninh, Gilbert Trần Chánh Chiểu, Tân Châu Nguyễn Chánh Sắt, Nguyễn Viên Kiều, Nguyễn Đồng Trụ, Lê Văn Trung, ngoài số những người chủ bút vừa kể, còn có sự cộng tác của các nhà văn danh tiếng như Nguyễn An Khương, Thượng Tân Thị Phan Quốc Quang, Lê Quang Chiểu, Giáo Sỏi, Đỗ Thanh Phong.

Nội dung báo gồm có luận thuyết, tin tức, lời rao, dịch chuyện Tàu, diễn Nôm các bản cổ văn, thi ca, nhàn đàm và quảng cáo.

Sau đây là một số bài trích dẫn:

### Bão lụt phía Tây-Nam(18)

Trong một năm hai lần bão, tại xứ nhỏ như Nam Kỳ, thương hại thay cho dân khổ, 16 tháng ba bão nơi Đông Nam (19) dân Tây-Nam bình tĩnh, đến đêm 26 tháng chín bão nơi Tây Nam từ 8 giờ tối tới 4 giờ sáng mới ngoi. Từ Sóc Trăng, Đại Ngãi, Bạc Liêu, Cần Thơ, Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc và Hà Tiên, cây ngã nhà xiêu, ghe chìm người chết, hao của dân vật, nghĩ rất thảm thương. Chẳng phải bão mà thôi, lại nước lụt tràn bờ, lúa cấy mạ gieo đều trốc rễ. Nghĩ coi sáu tháng chia nhau chịu khổ, người mắc trước kẻ bị sau, lúa thóc mùa màng mang hại. Thương là thương dân hèn gặp khổ, kẻ khó chịu tai; nhọc hình-hài làm mọi cho người, đối lòng, dạ không an con vợ. Thương ôi Đã biết rằng: Trời còn có khi mưa khi nắng, người sao không lúc thịnh lúc suy. Nhưng vậy mà ngoài ba mươi năm dân luống thành-thời, quen thời-tiết phong điều võ-thuận. Xảy một phút trời sanh tai biến, người không dè phải chịu nghèo nàn. Dầu tiên-tri cũng khó thờ-thần, vì dân-vật thường không tin lời phải. Nếu luận chuyện thành tiên thành phật cùng địa-phủ thiên-đàng, thì nhiều nơi tham nơi sướng tránh chỗ go; bằng mà luận trái phải việc đời, lo việc tới lui, thịnh lắm phải lo suy, sướng lâu thì sợ cực; những điều ấy người cho rằng luận vấy, ăn cơm nhà để lo chuyện bao đồng. Ôi thôi ! Hề trời khiến tai-nạn người chịu, xót tình thương nên tỏ một đôi lời. Gia Cát xưa chưa bỏ lều tranh, đã rõ trước tam-phân đánh túc; bởi Chiêu-liệt đốc-thành kính-sĩ, nên người đành tận-tụy cúc-cung. Vì một người, chịu nhọc một mình; làm hết sức, chớ cơ trời nào dám cãi. Thương trăm họ nên phân trái-phải, hết sức mình cho trọn phận làm người, há cầu ai rằng phải rằng chẳng, điều phải chẳng tự nhiên người xét lấy.

*Thương ôi !*

*Bị bị tai tai trời trời khiến khiến hại hại người người đời đời hết hết tưởng tưởng chơi chơi thì thì phải phải sợ sợ.*

*Xin chur vẫn hữu đọc bài tú tuyệt này, rồi gửi đến cho bốn quán, như trúng thì xin phụng lại một tháng nhật-trình xem chơi.*

*Chủ bút*

Đọc đoạn văn vừa trích, chúng ta thấy chủ bút cũng như những người viết khác, còn chịu ảnh hưởng của cổ văn rất nhiều, nhất là cách hành văn biền ngẫu. Hai bài trích kể tiếp sau đây, không dụng lối biền ngẫu, họ viết y như câu nói, đó là nét đặc trưng của văn chương miền Nam.

### **Trường Tabert(20)**

*Mỗi năm hể sau ít ngày ăn lễ sanh-nhật, thì trường học Taberd phát phần thưởng học trò rồi đặng bãi trường. Khi phát phần thưởng mời cha mẹ học trò đến xem hát cho vui. Trường dạy học Taberd, thiết lập nhiều cách vui cho người có con học vào trường ấy và dục lòng trẻ nhỏ vui và siêng học, học đạo đức, học lễ nghi, học văn chương, học vẽ lại thêm học hát xướng. Đến lúc làm điều vui, cũng còn kiếm điều cho có ích, điều dạy làm lành, răn đời lấy nhơn-nghĩa. Như là bày tuồng hát chơi mà có ý khuyên người làm phải, dạy trẻ lòng lành, xem đáng cảm ơn người bày biện, lòng tốt thương người, tập rèn cho con em phải cách.*

*Lời Rao*

*Thường thường hể làm cha mẹ ai ai đều thương con chẳng cùng. Bởi con tôi quá lắm, mới lấy lễ phải mà răn. Nay vợ chồng tôi là Nguyễn-Hữu-Phước làm tri huyện tại hạt Gò Công, rao cho chur vị đồng bang và người khách đặng rõ: Xin chớ có cho tên Nguyễn Hữu Vạng vay tiền mượn bạc chi. Nó là con của vợ chồng tôi mà nó không nghe lời dạy-dỗ, cứ theo hoang-đàng phóng-tứ. Nếu ai có cho mượn, mất tiền phải chịu lấy, chớ vợ chồng tôi không biết đến.*

*Tự hậu không ai được phép nói động đến vợ chồng tôi về tên Vạng thiếu nợ.*

*Tri huyện Nguyễn-Hữu-Phước*

Sau đây là mẫu tin đăng trên Nông Cổ Mín Đàm năm 1915, chúng ta thấy những người viết văn lúc đó vẫn còn chịu ảnh hưởng cách hành văn biền ngẫu, những người viết tin, lồng vào đó phần trào phúng, ngày nay các thông tin viên vẫn còn dùng :

### **Rõi trái oan**

*Một phu-nhân ở đường d" Espagne (21) ngó qua chùa chà chưa biết đạo xướng tùy có chi cay đắng hay là nghĩ trần ai ngán sự đời, tạm nha phiền một chung trộn với dấm mà liều má phán. Vào nhà thương thôi rồi nợ phong trần trả sạch còn cái giây oan trái buộc ràng. Bởi vì không rõ cơ quang, quan mới lập đàn tra vấn. Vấn cho rõ vì sao mà tự tận, có phải vì tình trường mà giận hờn ghen. Vấn cho ra coi ai ép uống phạt nhỏ nhen, làm đến đôi cánh sen chôn lấp.*

Tuy nhiên cũng có người hành văn không dụng lối biền ngẫu nên vừa ngắn mà vẫn giữ tánh chất trào lộng như đoạn văn sau đây :

*Lê-văn-Búp ở Thủ-Dầu-Một đi xách nước giếng hời nào không biết, đến chừng người nhà hay tri hô lên thì thấy anh Lê-văn-Búp trông chuối ngược. Bộ vớ chổng khu xách nước nên mới té dọng đầu xuống giếng.*



Nguyễn Chánh Sắt và Nguyễn An Khương dịch nhiều truyện Tàu đăng trên Nông Cổ Mín Đàm và bản dịch Tam Quốc Chí đăng trong báo này, ký kên Canavaggio, nhưng theo Vương Hồng Sển, người dịch là Lương Khắc Ninh.

Sau đây trích một bài dịch Hán văn của Nguyễn Chánh Sắt :

### *Chuyện mộ Tào Tháo*

Phía ngoài thành Hứa-Đô có một cái sông nước chảy rất mạnh, hai bên thì bờ vực hãm sâu. Mùa hè trời nóng nực, có một người kia xuống tắm, giây phút nổi lên như bị đao búa chém đứt ra từng khúc. Sau có một người cũng bị như vậy, thiên-hạ thất-kinh lấy làm lạ. Quan phủ sở tại thấy vậy, bèn bắt nhiều dân khiêng đất đốn cây chặn ngọn nước sông lại, lúc nước cạn rồi thì thấy dưới sông có cái hang sâu, trong ấy có đặt những xa máy tinh những gương bén lăm. Phá máy lấy gương lên, moi riết vào thấy có cái bia nhỏ đề chữ giống điệu chữ đời Hán, xem kỹ ra mới biết là mộ của Tào Mạnh Đức. Quan phủ bèn dạy phá hòm ra, lấy xương đem chôn nơi khác. Còn những ngọc ngà châu báu liệm trong hòm, thì lấy hết mà bỏ vào kho. Trong sách có nói Tào Tháo có bảy mươi hai cái mã nghi, hay đầu ngoài bảy mươi hai cái lại còn một cái này nữa. Ấy vậy thì gian trá như Tào Tháo, đến thác cũng còn gian trá. Song đã ngoài ngàn năm mà một nắm xương tàn còn chẳng giữ đặng thay, nghĩ lại mà coi, thì gian trá cho lắm lại có ích gì.

Rút trong *LIÊU TRAI CHÍ DỊ* dịch ra  
Tân Châu, NGUYỄN CHÁNH SẮT

Và sau đây là phần Nhàn Đàm đăng vào năm 1908 (không rõ số mấy)

### *CON VOI VỚI CON TRÂU*

(tranh công)

Con trâu ngày kia đi ngao du ngoài rừng, xảy gặp con voi đứng lại mà đàm luận việc công cán với nhau, thì con Voi thấy con Trâu có hơi mệt, liền hỏi sức lực mấy làm đường bao mà coi bộ mệt lắm vậy, thì con trâu trả lời rằng:

Tôi làm vậy chớ công cán tôi cao dày lắm, biết mấy đời vương, giúp trong thiên hạ đà lắm thuở, tuy tôi tuổi tác nhỏ nhen chớ trong lòng sẵn có ba lá sách, nhưng vậy cũng biết đặng đường nhơn nghĩa mà cư xử trong và bề ngoài.

Con voi nói lại rằng: Nè còn công cán tao cao dày lắm, nhơn vì trước tao giúp cho vua Thuần đã cày nên ruộng, bởi vậy sau đây người ta tặng kêu tao là ông-tượng, nên tao biết tao phải lớn hơn hết.

Con trâu trả lời: Phải ông thiệt là lớn hơn hết, lớn là lớn cái vóc và khoe mình nên người ta gọi là ông tượng, và hình thù thì lớn mà tánh nết ăm nói nhỏ nhen lắm, nên người ta sợ bụng ông không chùng, thiệt tôi coi đi xét lại, nhằm trước xem sau có một mình ông bụng lớn và bao tử cũng lớn chứa phần nhiều hơn hết, mà lại xông lớn đống, hể ai đi có gặp nói phần của ông-tượng là vậy đó.

Nguyễn Quang Trường  
Tự Cứu Viễn

Cũng ở trang 6 tờ báo này có đăng những quảng cáo như sau :

### *NHÀ ĐÓNG SÁCH J. VIẾT-LỘC & CIE*

ở đường d'Ormay số 61, Sài Gòn  
LÊ-VĂN-NGÀN, kế vị

*Kính cùng chư quý vị đặng rõ, kể từ ngày 15 tháng sáu langsa, chúng tôi mới làm hùn thêm đặng lo tấn tới và mở mang cuộc đóng sách và cuộc buôn bán thuở nay của mấy thầy Viêt-Lộc và Công-ty.*

*Vậy xin trong lục châu cùng châu thành Saigon Chợt lớn tưởng tình anh em chúng tôi trước sau cũng vậy mà giúp sức cho người nam ta cho tấn tới theo đường thương mãi.*

*Luôn điệp nầy chúng tôi xin trong chư quý vị ai còn thiếu bạc hay là có muốn mua cái chi thì xin từ ngày nay đến sau phải gửi cho thầy Lê-văn-Ngàn.*

*Còn nhà J. Viêt-Lộc & Cie có thiếu của ai thì hạn trong một tháng phải đem tờ giấy chi đến tại nhà nầy mà tính. Bằng quá hạn nầy rồi thì chúng tôi chẳng biết tới nữa.*

*Saigon, le 16 Juin 1908*

Phần quảng cáo đa số là của người ngoại quốc, đủ chứng tỏ thuở ấy người Pháp và Ấn chiếm hầu hết việc thương mại ở Sàigòn. Đây là một mẫu quảng cáo hàng:

*Tiệm Bán Hàng Hoá*

*Ông Courtinat và Công-Ty*

*ở đường Catinat, Saigon*

*Số 96-98-100-102-104-106-108*

*Có bán: lụa, nhun, tó, nỉ, hàng tây, đủ thứ, đủ màu;*

*Tủ sắt, giường sắt có ruột gà, bàn rửa mặt lót mặt đá cẩm thạch, tủ cây Hongkong, xe máy từ 55 đồng;*

*Xa bong hiệu Mignon mỗi hộp 100 miếng giá gửi đến chỗ 1\$85 và xa bong thơm, dầu thơm đủ thứ;*

*Ghế Thonet mặt cây tốt lắm;*

*Dù lục soạn hay là dù vải đủ thứ;*

*Giày, vớ, khăn, đồng hồ vàng, bạc và nickel, kiếng soi lớn nhỏ đủ thứ, cùng đồ hành lý;*

*Máy nói hiệu Pathé;*

*Pháo bông, cùng đồ cho con nít chơi đủ thứ;*

*Hộp xoàn lớn nhỏ tốt nhất hạng;*

*Có bán xe hơi hiệu Berliet, chạy từ Saigon xuống Vũng tàu 28 phút, cũng có lạnh sữa xe hơi.*

*Tại nhà nầy chẳng thiếu món chi mà lại giá rẻ.*

Tóm lại Nông Cổ Mìn Đàm là một tuần báo khổ lớn, nội dung gồm đủ các phần tuy có 8 chỉ trang, nhưng phần văn chương chiếm hết tờ báo. Nông Cổ Mìn Đàm ra đời trong thời buổi sơ khai của nền báo chí nước ta, lúc chữ quốc ngữ cũng còn ít người biết đọc. Cho nên mặc dù nó đã đình bản chưa đầy một thế kỷ, mà ít có người được biết đến tờ báo này.

Tờ Nông Cổ Mìn Đàm ra mắt, mặc dù sau Gia Định báo, Thông Loại Khóa Trình, nhưng hiện tình báo chí thuở ấy chỉ có Tờ Nông Cổ Mìn Đàm mà thôi, mãi cho đến năm 1907 mới có tờ Lục Tỉnh Tân Văn.

Dù sao thì tờ Nông Cổ Mìn Đàm cũng có đủ yếu tố là một tờ báo, nó gồm đủ các phần như báo chí ngày nay.

Về chữ Quốc ngữ, chúng ta để ý sẽ thấy rằng chữ thuở ấy chẳng có mấy sai khác như hiện nay, trừ một số lỗi chánh tả. Lỗi hành văn dài thậm thụt, nhận xét nầy cho thấy hành văn thuở đó chưa được chú trọng, quy cũ như hiện nay.

Tờ Nông Cổ Mìn Đàm không những phổ biến tư tưởng Đông phương, mà còn phổ biến tư tưởng học thuật Tây phương, đi theo đường lối Trương Vĩnh Ký đã làm từ trước.

## F.- Nhật Báo Tỉnh

Cũng là tuần báo, phát hành vào ngày Thứ Năm hàng tuần, từ năm 1905 đến 1912.

## G.- Lục Tỉnh Tân Văn

Năm 1907 H.F. Schneider lập ra tờ Lục Tỉnh Tân Văn, Trần Chánh Chiêu làm chủ bút, phát hành hàng tuần, có một phần nhỏ về công báo. Năm 1910, Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút, đến năm 1919 Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút tờ Trung Bắc Tân Văn, là một ấn bản của Lục Tỉnh Tân Văn, phát hành cho miền Trung và Bắc.

Về sau Lục Tỉnh Tân Văn nhượng lại cho Nguyễn Văn Của làm chủ nhiệm và do Lê Hoảng Mưu làm chủ bút.

Bước sang thập niên 20 còn có những tờ báo như :

## H.- Nữ Giới Chung

Do Lê Đức làm Chủ nhiệm và Sương Nguyệt Anh, con gái của Nguyễn Đình Chiểu làm Chủ Bút.

## I.- Công Luận Báo

Do Lê Sum làm chủ bút, phát hành vào ngày Thứ Ba và Thứ Sáu, kể từ báo Công Luận trở đi, mỗi tờ báo sau này đều có dành riêng một trang văn thơ, hay ít ra 1 cột gọi là Văn Uyển.

## II.- Trung Lập Báo

Do Phi Vân Trần Văn Chim tác giả Đồng Quê làm chủ bút, đặt biệt báo này khởi đăng tiểu thuyết "" Châu Về Hiệp Phố "" của nhà văn Phú Đức, tiểu thuyết này sau vẫn còn đăng lại ở nhật báo Thần Chung của Nam Đình, Tiếng Chuông của Đình Văn Khai, tuần báo Bình Dân của chính tác giả Phú Đức

Báo chí đã đóng góp một phần lớn cho việc truyền bá chữ Quốc Ngữ, mặc dù trong thời kỳ đầu này, báo chí chỉ được phổ biến trong giới quan lại người Việt, giúp việc trong guồng máy cai trị của Pháp, từ cấp Tổng, Huyện trở lên. Dần dần báo chí lan rộng đến các điền chủ, giáo học, cho đến khi báo chí đăng những truyện tàu, tiểu thuyết lúc ấy báo chí mới được phổ cập đến giới trung lưu ở thôn quê, vì lúc ấy báo chí đã thoát khỏi cái vỏ công báo, và chữ Quốc ngữ đã được dạy ở các trường học ở thôn quê miền nam.

Tưởng cũng nên ghi nhận, ở Bắc năm 1892 có tờ **Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo** (in chữ Hán) (22), phải đợi cho đến năm 1905 mới có tờ **Đại Việt Tân Báo** in cả chữ Quốc Ngữ và Chữ Hán. Năm 1907, tờ Đại Nam Đồng Văn Nhật Báo có thêm **Đăng Cổ Tùng Báo** số ra mắt ngày 28-3-1907 do Nguyễn Văn Vĩnh làm Chủ bút.

Sở dĩ báo chí ở Trung và Bắc chậm xuất bản là vì theo Đạo Dụ ngày 31-5-1906, chánh phủ Nam triều mới đổi mới cho chế độ học và thi cử ở Bắc và Trung, chương trình học vẫn lấy chữ Hán làm gốc, nhưng thêm các khoa Cách trí, Sư ký, Địa dư, Toán pháp dạy bằng Quốc Ngữ và một ít chữ Pháp. Thi Hương và Thi Hội cũng có những bài chữ Quốc Ngữ và chữ Pháp. Ở Bắc năm 1915 và ở Trung năm 1919 mới bỏ lối thi cử cũ (23).

Tiến trình báo chí ở Miền Nam, cho chúng ta thấy nó cũng là một yếu tố để truyền bá chữ Quốc Ngữ, đọc lại tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh đôi chỗ nói tới nhật trình thời bấy giờ, đọc Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư trong Hương Rừng Cà Mau của Sơn Nam, chúng ta thấy ghi đậm nét về sự truyền bá chữ Quốc Ngữ, và sự phổ cập báo chí ở Miền Nam.

( 1 ) Theo lời Bác sĩ Nguyễn Minh Tâm Giám Đốc Nha Y Tế Học Đường thuộc Bộ Giáo Dục, trong phiên họp các Trưởng Ty Văn Hóa Giáo Dục và Thanh Niên vào cuối năm 1974 tại Bộ Giáo Dục, ông cho biết, có người bán trọn bộ báo này cho một người Mỹ trong năm ấy, giá 1 triệu 5 trăm ngàn đồng Việt Nam (thời giá 1US=200 đồng VN).

( 2 ) Theo Giáo sư Huỳnh Văn Tông cho biết tại Thư viện trường Ngôn Ngữ Đông Phương (L'École National des Langues Orientales) ở Paris, số 3 phát hành ngày 15-7-1865, số 4 phát hành ngày 15-8-1865 và số chót mà thư viện có là số 42, phát hành ngày 25-10-1909

( 3 ) Hội Đồng Tỉnh.

( 4 ) Phan Long Điền trích dịch, đăng trong Giai Phẩm Bách Khoa ngày 17-8-1974

( 5 ) Franc: Đơn vị tiền tệ Pháp.

( 6 ) Diệp Văn Cương tự Thọ Sơn, bút hiệu Yên Sa, người làng An Nhơn, tỉnh Gia Định, sau khi thi đậu bằng Trung Học, ông được chánh phủ bảo hộ cho sang Pháp học và đỗ bằng Tú Tài, về Việt nam dạy trường Chasseloup-Laubat, ông được Toàn quyền Paul-Bert chú ý, nên có đưa ra Bắc và Trung làm việc. Ở Huế ông đảm trách việc dạy học cho vua Đồng Khánh, tại đây ông kết duyên cùng một bà công chúa, con của Thoại Thái vương sinh ra Diệp Văn Kỳ cũng là một nhà báo kỳ cựu trong Nam vào thập niên 30.

Diệp Văn Cương có những tác phẩm sau :

Recueil de morale annamite (1917)

Syllabaire quốc ngữ (1919)

Tập Phong hóa dịch ra quốc ngữ

( 7 ) Đã trích bài Bảo ở chương trước, trong phần tiểu sử Trương Vĩnh Ký.

( 8 ) Số 10, trang 5 và 6.

( 9 ) Chữ x trong ngoặc là thay cho chữ Hán

( 10 ) Số 2, trang 11

( 11 ) Số 1, trang 4

( 12 ) Số 2, trang 3

( 13 ) Số 4, trang 13

( 14 ) Quỳnh tương là tích chén nước Vân-anh đưa cho Bùi Hàn uống (coi giải trong Túy-Kiều) - Tài liệu chú -

( 15 ) Số 1, trang 9

( 16 ) Số 3, trang 4

( 17 ) Số 3, trang 3

( 18 ) Nông Cổ Mín Đàm số 166 ngày 17-11-1904

( 19 ) Hai trận bão này xảy ra vào năm Thìn, nên người ta hay nói "" Năm Thìn Bão Lụt"", trong Ca dao miền Nam có câu nói về trận bão này :

Đèn nào cao cho bằng đèn Châu Đốc,  
Gió nào độc cho bằng ngọn gió Gò Công.  
Thổi ngọn Đông phong lạc vợ xa chồng,  
Năm đêm nghĩ lại nước mắt hồng tuôn rơi.

( 20 ) Nông Cổ Mín Đàm số 173 ngày 5-1-1905

( 21 ) Đường Lê Thánh Tôn Sài Gòn.

(22) Theo Quốc Triều Chính Biên. Năm 1888, tháng 4 quan Đại Pháp mới lập sở Đại Nam Nhật Báo.

(23) Đề thi Hội cuối cùng năm 1919:

Việc chánh trị bây giờ càng khó, Trung Kỳ và Bắc Kỳ tình thế khác nhau, nên sửa sang những điều gì trước ? Luận.  
Nước ta Văn hiến, trải mấy ngàn năm, bây giờ nghĩ phỏng Thái Tây đặt Viện Hàn Lâm dịch các sách vở. Luận  
Nước ta việc hình luật đời nào cũng trọng, quan hệ như tâm phong tục là thế nào ? Luận  
Khoa thi này, kết quả lấy 7 Tiến sĩ và 16 Phó bảng.

---

Nguồn: <http://chimviet.free.fr/phuctrun/phul052a.htm>

